



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 31/03/2023

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6-7
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	8-30



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- Tài sản ngắn hạn	100		149.951.812.739	174.964.077.976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	26.219.617.994	27.764.239.420
1. Tiền	111		8.219.617.994	27.764.239.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	224.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	224.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.505.040.427	126.118.961.674
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	116.704.786.160	138.524.429.566
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.252.122.909	1.576.739.245
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	9.743.722.369	7.858.597.188
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.195.591.011)	(21.840.804.325)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	27.501.635.519	20.664.559.513
1. Hàng tồn kho	141		30.099.739.918	23.290.065.181
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.598.104.399)	(2.625.505.668)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		725.518.799	192.317.369
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	74.203.313	192.317.369
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		650.838.812	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	476.674	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		227.413.550.597	139.721.563.914
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.930.706.960	48.937.128.475
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	31.496.258.514	33.310.970.905
- Nguyên giá	222		71.390.942.630	72.028.000.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.894.684.116)	(38.717.029.671)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.434.448.446	15.626.157.570
- Nguyên giá	228		25.717.714.435	24.887.314.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.283.265.989)	(9.261.156.865)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		430.660.800	287.107.200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		430.660.800	287.107.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	178.329.051.888	88.585.711.088
1. Đầu tư vào công ty con	251		208.100.951.888	117.383.611.088
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.367.100.000	7.367.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.449.000.000)	(38.475.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.723.130.949	1.911.617.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.723.130.949	1.911.617.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		377.365.363.336	314.685.641.890

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		108.418.809.979	73.148.387.561
I. Nợ ngắn hạn	310		105.459.515.117	69.982.132.757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	16.742.239.671	25.871.303.291
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.454.612.931	6.885.512.528
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	50.148.226	733.966.592
4. Phải trả người lao động	314	V.14	200.000	1.431.148.812
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.133.230.209	1.870.585.564
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	22.123.978.223	25.016.820.448
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	55.053.544.967	3.997.681.940
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.108.162.227	2.658.238.393
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	793.398.663	1.516.875.189
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.959.294.862	3.166.254.804
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	924.717.950	868.717.950
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.870.225.143	2.001.532.653
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	164.351.769	296.004.201

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	268.946.553.357	241.537.254.329
I. Vốn chủ sở hữu	410		268.946.553.357	241.537.254.329
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.335.910.000	213.436.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.335.910.000	213.436.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(721.880.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.604.360.982	3.604.360.982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.728.162.375	25.218.233.347
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.861.933.347	17.258.029.825
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.866.229.028	7.960.203.522
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		377.365.363.336	314.685.641.890

TP. HCM, Ngày 01 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, Ngày 01 tháng 04 năm 2023

Tổng giám đốc



Phạm Thị Bích Thảo



Trương Thị Phương Dung

04
Y
N
HỆ
V
G
H

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/04/2022 đến 31/03/2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/03/2023		Lũy kế từ 01/04/2022 đến 31/03/2023		Đơn vị tính: VND
		Mã số	Năm nay	Năm trước	Năm nay	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	12.970.566.461	34.759.298.997	126.898.194.524	143.848.732.668	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	154.600.000	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	12.970.566.461	34.759.298.997	126.743.594.524	143.848.732.668	
4. Giá vốn hàng bán	VI.02	7.880.415.826	21.307.634.405	89.914.392.890	107.903.895.941	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	5.090.150.635	13.451.664.592	36.829.201.634	35.944.836.727	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	11.551.804.750	13.456.383	33.313.397.075	5.412.842.513	
7. Chi phí tài chính	VI.04	3.221.398.292	1.334.017.631	8.447.882.876	3.792.446.149	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	1.246.730.447	144.527.658	4.404.259.378	897.702.592	
8. Chi phí bán hàng	VI.05	4.769.945.460	5.351.280.865	21.438.057.869	22.203.151.528	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	9.630.883.278	6.352.717.146	26.227.265.268	8.536.200.709	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(980.271.645)	427.105.333	14.029.392.696	6.825.880.854	
11. Thu nhập khác	VI.07	1.702.046.976	676.160.470	2.009.431.310	988.202.553	
12. Chi phí khác	VI.08	32.999.586	23.326.214	126.975.383	31.698.467	
13. Lợi nhuận khác	40	1.669.047.390	652.834.256	1.882.455.927	956.504.086	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50	688.775.745	1.079.939.589	15.911.848.623	7.782.384.940	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	394.642.098	-	394.642.098	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	688.775.745	685.297.491	15.911.848.623	7.387.742.842	

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2023

Tổng Giám đốc

M.S.Đ.K.M. 0303000000

CÔNG TY

CÔNG NGHỆ

TIỀN PHONG

Lĩnh vực: Công nghệ

Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2022 đến 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.911.848.623	7.782.384.940
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.009.821.515	3.115.443.666
- Các khoản dự phòng	03		13.620.001.741	(620.853.814)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.307.060	(8.964.457)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.548.524.445)	(5.371.891.200)
- Chi phí lãi vay	06		4.404.259.378	897.702.592
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(131.652.432)	100.782.572
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.291.061.440	5.894.604.299
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.254.553.563	74.917.989.115
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.809.674.737)	22.079.299.418
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.894.130.067)	(58.633.524.745)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		306.600.258	(362.319.574)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3.626.023.205)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(394.642.098)	(922.701.036)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.121.716.114)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(628.465.314)	695.585.796
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(2.323.201.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(500.720.160)	39.224.015.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.146.953.600)	(417.625.420)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		224.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(93.717.340.800)	(1.944.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.629.062.684	5.371.891.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62.738.504.443)	3.010.265.780

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		10.635.730.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		91.736.287.828	34.670.602.465
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(40.680.424.801)	(55.689.495.761)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>61.691.593.027</i>	<i>(21.018.893.296)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(1.547.631.576)</i>	<i>21.220.388.281</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>27.764.239.420</i>	<i>6.543.724.367</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.010.150	126.772
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>26.219.617.994</i>	<i>27.764.239.420</i>

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lâm Hữu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
- Nhân viên
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 Công ty có 93 nhân viên đang làm việc
- Cấu Trúc Công ty

Thông tin công ty con

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	50,42%	50,42%	50,42%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	78,21%	78,21%	78,21%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	88,98%	88,98%	88,98%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng;	98,80%	98,80%	98,80%
Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt.	100%	100%	100%
Công ty CP tư vấn & PT Phần Mềm Larion	Kinh doanh sản xuất phần mềm	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần INTELNET có trụ sở chính tại Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh sản phẩm phần mềm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 32,9%.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

598
NG
PH
G N
PH
PH

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04
TY
IN
GH
NG
CH

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 05% trên doanh thu (Kỳ trước là 05%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những Kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

02/03/2023
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	334.809.204	91.804.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.884.808.790	27.672.434.471
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	18.000.000.000	-
Cộng	26.219.617.994	27.764.239.420

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	-	224.000.000
Cộng	0	224.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	208.100.951.888	(34.154.000.000)	117.383.611.088	(33.118.000.000)
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	29.174.984.223	-
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	12.916.954.100	-	12.826.229.300	-
Công ty CP Tin Học Siêu Tính	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	37.204.976.964	(31.615.000.000)	36.565.360.964	(33.118.000.000)
Công ty TNHH MTV KTCN Tiên Phong	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT	9.000.000.000	(2.539.000.000)	9.000.000.000	-
Công ty CP tư vấn & PT Phần Mềm Larion	89.987.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	5.310.000.000	(3.017.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần Intelnet	3.000.000.000	(707.000.000)	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.367.100.000	(5.278.000.000)	7.367.100.000	(3.047.000.000)
Công ty cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	7.367.100.000	(5.278.000.000)	7.367.100.000	(3.047.000.000)
Cộng	220.778.051.888	(42.449.000.000)	127.060.711.088	(38.475.000.000)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Số cuối năm	Số đầu năm		
Phải thu các bên liên quan		1.004.823.165	3.993.885.300		
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu		394.176.608	2.054.975.970		
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến		353.444.400	196.167.927		
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		-	86.330.182		
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development		88.351.143	6.411.221		
Công ty CP Tin Học Siêu Tính		163.181.014	1.650.000.000		
Công ty Cổ Phần INTELNET		5.670.000	-		
Phải thu các khách hàng khác		115.699.962.995	134.530.544.266		
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC		68.599.423.798	71.140.156.084		
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam-Cty CP		10.604.694.370	13.614.104.043		
Công ty CP Sonadezi Châu Đức		9.007.332.740	-		
Các khách hàng khác		27.488.512.087	49.776.284.139		
Cộng		116.704.786.160	138.524.429.566		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm		
Trả trước cho các bên liên quan		-	-		
Trả trước cho người bán khác		2.252.122.909	1.576.739.245		
Công ty TNHH GSI		617.551.424	-		
Trường Cao Đẳng Đường Sắt		742.153.927	742.153.927		
Nhà cung cấp khác		892.417.558	834.585.318		
Cộng		2.252.122.909	1.576.739.245		
5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác		Số cuối năm		Số đầu năm	
5a. Phải thu ngắn hạn khác	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng	
Phải thu các bên liên quan	5.869.925.866	(3.500.000.000)	4.362.301.505	(3.500.000.000)	
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - khác	48.848.367	-	48.892.285	-	
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu - khác	497.982.073	-	667.404.225	-	
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	240.581.826	-	146.004.995	-	
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - khác	16.880.000	-	-	-	
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	1.565.633.600	-	-	-	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.873.796.503	-	3.496.295.683	-	
Ký cược, ký quỹ	1.617.535.660	-	1.486.161.619	-	
Tạm ứng	111.156.000	-	127.191.000	-	
Phải thu khác	2.145.104.843	-	1.882.943.064	-	
Cộng	9.743.722.369	(3.500.000.000)	7.858.597.188	(3.500.000.000)	
5b. Phải thu dài hạn khác		Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn			

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

6. Nợ khó đòi

	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Giá gốc			Giá gốc	Giá gốc			
Các bên liên quan									
Công ty CP cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	-
Phải thu tiền cho mượn	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	Trên 03 năm	3.500.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	35.884.039.438	35.884.039.438	6.188.448.427	6.188.448.427	19.294.260.886	19.294.260.886			953.456.561
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC - Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.056.341.349	25.056.341.349	6.188.448.427	6.188.448.427	8.466.562.797	8.466.562.797	Từ 01 đến dưới 03 năm	8.466.562.797	840.056.280
Công ty Cổ phần 715 – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.196.346.285	2.196.346.285	-	-	2.196.346.285	2.196.346.285	Trên 03 năm	2.196.346.285	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.896.814.588	3.896.814.588	-	-	3.896.814.588	3.896.814.588	Trên 03 năm	3.896.814.588	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.734.537.216	4.734.537.216	-	-	4.734.537.216	4.734.537.216	Trên 03 năm	4.734.537.216	113.400.281
Cộng	39.384.039.438	39.384.039.438	6.188.448.427	6.188.448.427	22.794.260.886	22.794.260.886			953.456.561

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	21.840.804.325	25.361.687.502
Hoàn nhập dự phòng khó đòi	-	3.407.655.797
Trích lập dự phòng bổ sung	11.354.786.686	-
Xóa nợ	-	113.227.380
Số cuối năm	33.195.591.011	21.840.804.325

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	20.713.421.067	-	17.910.508.868	-
Hàng hóa	9.386.318.851	(2.598.104.399)	5.379.556.313	(2.625.505.668)
Cộng	30.099.739.918	(2.598.104.399)	23.290.065.181	(2.625.505.668)

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 2.598.104.399 VND (Số đầu năm là 2.625.505.668 VND).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	7.906.508	45.541.916
Chi phí bảo hiểm	10.867.642	4.849.362
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	79.151.862
Chi phí khác	55.429.163	62.774.229
Cộng	74.203.313	192.317.369

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	545.979.098	569.890.598
Chi phí sửa chữa	817.229.438	884.636.969
Công cụ, dụng cụ	359.922.413	457.089.584
Cộng	1.723.130.949	1.911.617.151

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	1.615.034.934	72.028.000.576
Mua trong năm	-	-	-	173.000.000	173.000.000
Thanh lý	-	-	(810.057.946)	-	(810.057.946)
Số cuối năm	50.300.949.660	17.382.379.854	1.919.578.182	1.788.034.934	71.390.942.630
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.372.070.578	17.336.977.781	2.729.636.128	1.278.345.184	38.717.029.671
Khấu hao trong năm	1.703.217.900	45.402.073	-	239.092.419	1.987.712.392
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-	(810.057.946)	-	(810.057.946)
Số cuối năm	19.075.288.478	17.382.379.854	1.919.578.182	1.517.437.603	39.894.684.117
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	32.928.879.082	45.402.073	-	336.689.750	33.310.970.905
Số cuối năm	31.225.661.182	-	-	270.597.331	31.496.258.513

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.053.529.245	833.785.190	24.887.314.435
Mua trong năm	-	830.400.000	830.400.000
Số cuối năm	24.053.529.245	1.664.185.190	25.717.714.435
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.798.303.439	462.853.426	9.261.156.865
Khấu hao trong năm	767.665.836	254.443.288	1.022.109.124
Số cuối năm	9.565.969.275	717.296.714	10.283.265.989
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.255.225.806	370.931.764	15.626.157.570
Số cuối năm	14.487.559.970	946.888.476	15.434.448.446

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.044.657.774	15.818.143.111
Công ty CP Kỹ Thuật điện Toàn Cầu	26.166.205	56.177.725
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	93.381.569	93.381.569
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	6.069.110.000	12.975.760.000
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	856.000.000	2.692.823.817
Phải trả các nhà cung cấp khác	9.697.581.897	10.053.160.180
TRADING AND SOLUTION CONSULTING INC	585.415.850	2.043.327.576
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	1.160.482.400	33.275.000
Nghệ Quang Dũng	882.579.544	7.440.400
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp và tự động hóa AUMI	273.520.517	585.825.728
Các nhà cung cấp khác	6.795.583.586	7.383.291.476
Cộng	16.742.239.671	25.871.303.291

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	6.454.612.931	6.885.512.528
Công ty Cổ Phần Tasco Nam Thái	130.820.000	-
Cục B01 - Bộ Công An	5.515.200.000	-
Công Ty TNHH BOT Thiên Tân Quảng Ngãi	-	3.073.536.424
Các khách hàng khác	808.592.931	3.811.976.104
Cộng	6.454.612.931	6.885.512.528

030
C
C
C
C
TI
7-T.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	257.628.863	-	1.124.914.342	1.383.019.879	-	476.674
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	303.945.086	303.945.086	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	69.168.879	69.168.879	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	394.642.098	-	-	394.642.098	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	81.695.631	-	1.886.796.494	1.918.343.899	50.148.226	-
Cộng	733.966.592	-	3.384.824.801	4.069.119.841	50.148.226	476.674

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Không chịu thuế
0%
8%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí thi công cho công trình

Chi phí phải trả dịch vụ

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thi công cho công trình	175.048.391	1.760.585.564
Chi phí phải trả dịch vụ	2.958.181.818	110.000.000
Cộng	3.133.230.209	1.870.585.564

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

Phải trả các bên liên quan

Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả dịch vụ tiện ích

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả lãi vay

Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Phải trả tiền mượn các cá nhân

Phải trả BHXH

Phải trả khác

Nhận ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.525.371.853	20.763.160.986
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	12.064.086	10.146.786
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả dịch vụ tiện ích	5.773.520	3.014.200
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả lãi vay	757.534.247	-
Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn	20.750.000.000	20.750.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	598.606.370	4.253.659.462
Phải trả tiền mượn các cá nhân	98.132.301	323.614.804
Phải trả BHXH	-	333.924.971
Phải trả khác	182.310.629	3.027.837.047
Nhận ký quỹ, ký cược	318.163.440	568.282.640
Cộng	22.123.978.223	25.016.820.448

16b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Nhận ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	924.717.950	868.717.950
Nhận ký quỹ, ký cược	924.717.950	868.717.950
Cộng	924.717.950	868.717.950

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.053.544.967	25.053.544.967	3.997.681.940	3.997.681.940
Vay Ngân hàng TMCP phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh (1)	25.053.544.967	25.053.544.967	3.997.681.940	3.997.681.940
Vay ngắn hạn các bên liên quan	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Vay Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Cộng	55.053.544.967	55.053.544.967	3.997.681.940	3.997.681.940

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản tòa nhà ITD Building

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.997.681.940	51.736.287.828	(30.680.424.801)	25.053.544.967
Vay ngắn hạn các bên liên quan	-	40.000.000.000	(10.000.000.000)	30.000.000.000
Cộng	3.997.681.940	91.736.287.828	(40.680.424.801)	55.053.544.967

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

17b. Vay dài hạn**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.658.238.393
Trích lập dự phòng	505.437.278
Hoàn nhập trong kỳ	(1.543.038.875)
Số sử dụng	(273.225.738)
Phân loại lại	(239.248.831)
Số cuối năm	1.108.162.227

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.001.532.653
Trích lập dự phòng	2.250.000
Số sử dụng	(354.291.085)
Hoàn nhập trong kỳ	(30.909.962)
Phân loại lại	251.643.537
Số cuối năm	1.870.225.143

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**Số đầu năm****1.516.875.189**

Tăng/giảm từ các Công ty con

737.737.193

Hoàn nhập quỹ

(861.720.405)

Chi quỹ trong kỳ

(599.493.314)

Số cuối năm**793.398.663****20. Quỹ Phát triển khoa học công nghệ**

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	50.398.750	245.605.451	296.004.201
Trích quỹ khoa học công nghệ	78.032.200	-	78.032.200
Số sử dụng trong kỳ	(34.327.000)	-	(34.327.000)
Khấu hao tài sản cố định	-	(175.357.632)	(175.357.632)
Số cuối năm	94.103.950	70.247.819	164.351.769

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

21. Vốn chủ sở hữu**21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	190.647.980.000	3.604.360.982	40.046.589.826	233.577.050.808
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.387.742.842	7.387.742.842
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(22.788.560.000)	-
Quyết toán quỹ khen thưởng, Phúc lợi trong năm trước	-	-	572.460.679	572.460.679
Số dư cuối Kỳ trước	213.436.540.000	3.604.360.982	25.218.233.347	241.537.254.329
Số dư đầu Kỳ này	213.436.540.000	3.604.360.982	25.218.233.347	241.537.254.329
Phát hành cổ phiếu	10.635.730.000	-	-	10.635.730.000
Hoàn quỹ khen thưởng	-	-	861.720.405	861.720.405
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	15.911.848.623	15.911.848.623
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	21.263.640.000	-	(21.263.640.000)	-
Số dư cuối Kỳ này	245.335.910.000	3.604.360.982	20.728.162.375	268.946.553.357

21 b. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- *Cổ phiếu phổ thông*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Số cuối năm

Số đầu năm

19.064.798

19.064.798

19.064.798

-

72.188

72.188

-

24.461.403

18.992.610

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Tổng doanh thu	12.970.566.461	34.759.298.997	126.743.594.524	143.848.732.668
- Doanh thu bán hàng hóa	8.916.191.418	27.953.677.023	106.540.884.978	123.735.053.105
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.054.375.043	6.805.621.974	20.202.709.546	20.113.679.563
Doanh thu thuần	12.970.566.461	34.759.298.997	126.743.594.524	143.848.732.668

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	6.745.758.086	12.241.717.822	73.605.338.077	67.976.885.668
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.662.059.009	9.065.916.583	16.836.456.082	39.982.369.837
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(527.401.269)	-	(527.401.269)	(55.359.564)
Cộng	7.880.415.826	21.307.634.405	89.914.392.890	107.903.895.941

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	376.483.405	2.043.616	586.661.772	8.288.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.008.867	10.891.675	31.514.299	24.756.759
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.161.041.600	-	32.689.135.400	5.363.603.200
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.340.941	521.092	4.058.580	8.964.457
Lãi CLTG phát sinh	1.929.937	-	2.027.024	7.230.097
Cộng	11.551.804.750	13.456.383	33.313.397.075	5.412.842.513

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Chi phí lãi vay	1.246.730.447	144.527.658	4.404.259.378	897.702.592
Lỗ CLTG phát sinh	667.845	1.489.973	40.257.858	26.743.557
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	29.365.640	-
Dự Phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.974.000.000	1.188.000.000	3.974.000.000	2.868.000.000
Cộng	3.221.398.292	1.334.017.631	8.447.882.876	3.792.446.149

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Chi phí cho nhân viên	4.419.093.305	4.899.154.887	19.520.617.797	20.716.145.049
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.568.874	87.845.777	398.302.009	356.490.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.199.998	-	107.266.664	1.021.482
Chi phí bảo hành	16.022.229	20.886.800	39.939.235	225.405.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.287.756	106.623.649	550.815.440	480.670.839
Chi phí khác	78.773.298	236.769.752	821.116.724	423.418.196
Cộng	4.769.945.460	5.351.280.865	21.438.057.869	22.203.151.528

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Chi phí cho nhân viên	(159.350.653)	2.215.050.177	10.391.409.495	8.825.594.771
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.751.442	85.982.615	317.648.711	396.554.606
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.579.214	29.351.552	80.851.454	223.521.109
Dự phòng phải thu khó đòi	8.854.786.686	3.114.929.045	11.354.786.686	(3.407.655.797)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	817.920.851	829.008.188	3.196.698.857	2.366.787.029
Chi phí khác	50.195.738	78.395.569	885.870.065	131.398.991
Cộng	9.630.883.278	6.352.717.146	26.227.265.268	8.536.200.709

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	1.369.204.006	641.253.639	1.573.948.837	864.551.217
Thu Thanh lý TSCĐ	272.727.273	-	272.727.273	-
Thu khác	60.115.697	34.906.831	162.755.200	123.651.336
Cộng	1.702.046.976	676.160.470	2.009.431.310	988.202.553

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Chi phí khác	32.999.586	23.326.214	126.975.383	31.698.467
Cộng	32.999.586	23.326.214	126.975.383	31.698.467

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022
Chi phí hàng hóa xuất bán	6.128.037.152	10.168.898.489	71.089.052.269	59.257.033.430
Chi phí nhân công	4.259.742.652	7.114.205.064	29.912.027.292	29.541.739.820
Thiết bị văn phòng và VPP	151.320.316	173.828.392	715.950.720	753.045.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.177.635	705.870.242	2.834.463.883	3.115.443.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.682.907	4.128.771.809	19.438.078.438	29.619.199.194
Chi phí khác	8.491.283.902	3.693.632.239	13.590.143.425	(2.829.377.387)
Cộng	22.281.244.564	25.985.206.235	137.579.716.027	119.457.083.837

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập ban lãnh đạo	Chức vụ	Lũy kế đến 31/03/2023	Lũy kế đến 31/03/2022
Ban giám đốc		6.162.381.086	6.156.851.853
Lâm Thiều Quân	Tổng Giám Đốc	1.216.704.714	1.745.394.560
Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám Đốc	1.028.887.612	1.632.917.704
Nguyễn Thị Thu Sương	Giám Đốc Tài Chính	779.796.234	860.893.206
Phạm Đức Long	Giám Đốc Kỹ Thuật	1.114.237.222	1.206.113.236
Lê Ngọc Thạch	Giám Đốc Công Nghệ Thông Tin	911.717.391	-
Đỗ Thị Thu Hà	Giám Đốc Kiểm Soát Nội Bộ	511.673.913	-
Trương Thị Phương Dung	Kế Toán Trưởng	599.364.000	711.533.146
Thành viên hội đồng quản trị		427.951.613	362.783.333
Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên hội đồng quản trị	74.358.065	69.416.667
Lâm Thiều Quân	Thành viên hội đồng quản trị	62.100.000	57.500.000
Lưu Đức Khánh	Thành viên hội đồng quản trị	35.100.000	37.100.000
Mạc Quang Huy	Thành viên hội đồng quản trị	42.319.355	37.400.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên hội đồng quản trị	52.974.194	46.366.667
Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên hội đồng quản trị	62.100.000	57.500.000
Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên hội đồng quản trị	62.100.000	57.500.000
Đinh Hoài Châu	Thành viên hội đồng quản trị	36.900.000	
Ban kiểm soát		122.100.000	113.300.000
Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	46.200.000	57.500.000
Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	38.100.000	36.500.000
Mai Ngọc Phượng	Thành viên	37.800.000	19.300.000
Cộng		6.712.432.699	6.632.935.186

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Cùng tập đoàn
Công ty cổ phần In No	Cùng tập đoàn

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	709.272.449	700.095.174
Phải thu chi phí chia sẻ	223.831.107	143.910.330
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	57.320.000
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	240.581.826	89.408.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu		
Mua hàng hoá và dịch vụ	263.770.184	152.582.053
Cho thuê kho, thuê văn phòng	2.109.662.348	1.702.739.858
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	843.321.356
Nhận VSOP	457.717.825	83.744.496
Nhận cổ tức	16.400.432.000	3.690.097.200
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	448.307.000	541.957.000
Vay tiền	40.000.000.000	-
Trả nợ vay	10.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	3.035.342.467	-
Phải thu chi phí chia sẻ	263.071.998	170.457.705
Phải trả chi phí chia sẻ	9.222.000	2.753.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh		
Mua hàng hoá và dịch vụ	1.020.000.000	482.046.415
Bán hàng hoá và dịch vụ	300.755.212	1.537.976.712
Phải thu chi phí chia sẻ	12.775.000	-
Nhận cổ tức	1.565.633.600	-
Tiền mượn	7.300.000.000	1.300.000.000
Trả tiền mượn	7.300.000.000	7.700.000.000
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến		
Nhận cổ tức	2.520.769.800	1.673.506.000
Nhận VSOP	18.051.120	-
Cho thuê kho, thuê văn phòng	1.808.569.148	1.677.761.115
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	133.240.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	96.000.000	-
Quỹ Phúc lợi chuyển về công ty mẹ	48.848.367	45.592.285
Phải thu chi phí chia sẻ	67.689.225	4.686.000
Phải trả chi phí chia sẻ	18.110.300	26.344.300
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	229.504.826	193.648.416
Mua hàng hoá và dịch vụ	1.858.350.000	1.243.550.000
Phải thu chi phí chia sẻ	16.880.000	-
Nhận cổ tức	4.500.000.000	-

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2023

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2022 đến 31/03/2023

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Hạ tầng - Giao thông	55.143.642.920	38.102.611.329	17.041.031.591
Viễn thông - tin học	56.498.561.652	44.023.198.220	12.475.363.432
Lĩnh vực khác	15.101.389.952	7.788.583.341	7.312.806.611
Tổng cộng	126.743.594.524	89.914.392.890	36.829.201.634

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung



TP. HCM, Ngày 25 tháng 4 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lâm Thiếu Quân

30

